

# Kiến thức, thái độ về đa dạng giới và xu hướng tính dục của sinh viên Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

Nguyễn Thị Hiệp Tuyết\*, Lương Phương Linh, Nguyễn Dũng Long, Phùng Nhật Minh, Bùi Hải Nam, Tạ Thị Quỳnh Giao, Nguyễn Thị Kim Tiến

Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên - 284 Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Ngày nhận bài: 06/07/2026

Ngày chỉnh sửa: 14/07/2026; Ngày duyệt đăng: 20/07/2026

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá kiến thức, thái độ về đa dạng giới và xu hướng tính dục của sinh viên trường Đại học Y Dược Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan.

**Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 874 sinh viên y khoa từ năm thứ nhất đến năm thứ năm bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng theo năm học. Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền gồm thông tin chung, 20 câu hỏi đánh giá kiến thức và 15 câu hỏi đánh giá thái độ theo thang Likert.

**Kết quả:** Điểm kiến thức trung bình về đa dạng giới và xu hướng tính dục đạt  $15,3 \pm 2,8/20$  điểm; 68,2% sinh viên có kiến thức đạt. Điểm thái độ trung bình đạt  $52,0 \pm 9,3/75$  và tỷ lệ có thái độ tích cực đối với cộng đồng LGBT là 32,2%. Đa số sinh viên đồng ý rằng người LGBT cần được chăm sóc y tế bình đẳng và nhân viên y tế có trách nhiệm chăm sóc người LGBT không kỳ thị. Nữ sinh viên có tỷ lệ kiến thức đúng và thái độ tích cực cao hơn nam sinh viên ( $p < 0,05$ ). Nhóm sinh viên chưa đi lâm sàng có kiến thức và thái độ tích cực cao hơn nhóm đã đi lâm sàng ( $p < 0,001$ ). Sinh viên có kiến thức đạt có tỷ lệ thái độ tích cực cao hơn đáng kể so với nhóm kiến thức chưa đạt (38,4% so với 18,7%;  $p < 0,001$ ).

**Kết luận:** Sinh viên y khoa có mức độ kiến thức tương đối tốt về đa dạng giới và xu hướng tính dục, tuy nhiên thái độ tích cực đối với cộng đồng LGBT còn hạn chế. Cần tăng cường lồng ghép nội dung về sức khỏe LGBT và chăm sóc không kỳ thị vào chương trình đào tạo y khoa.

**Từ khóa:** Đa dạng giới, xu hướng tính dục, sinh viên y khoa, LGBT.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, đa dạng giới và xu hướng tính dục ngày càng được nhìn nhận như một phần tự nhiên của xã hội. Nhiều quốc gia đã thúc đẩy bình đẳng và giảm kỳ thị đối với cộng đồng đồng tính nữ (lesbian), đồng tính nam (gay), song tính (bisexual) và người chuyển giới (transgender) - viết tắt là LGBT, nhằm bảo đảm quyền con người và nâng cao chất lượng cuộc sống [1]. Tại Việt Nam, mặc dù nhận thức xã hội đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng định kiến và kỳ thị đối với người LGBT vẫn còn tồn tại, đặc biệt trong môi trường học đường và y tế. Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, người LGBT có thể gặp khó khăn khi tiếp cận dịch vụ do sự thiếu hiểu biết hoặc thái độ chưa phù hợp của nhân viên y tế. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc mà còn làm gia tăng rào cản trong tiếp cận dịch vụ y tế công bằng [2]. Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy bình đẳng giới và giảm phân biệt đối xử trong hệ thống y tế, việc tìm hiểu kiến thức và thái độ của sinh viên y khoa, nhân viên y tế có ý nghĩa quan trọng [3]. Một số nghiên cứu trong nước cho thấy kiến thức và thái độ của học sinh, sinh viên đối với cộng đồng LGBT vẫn còn hạn chế và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố xã hội, văn hóa. Trong khi đó, nghiên cứu của Lưu Quang Long và cộng sự (2025) ghi nhận phần lớn sinh viên y có kiến thức từ trung bình đến cao và thái độ nhìn chung tích cực đối với cộng đồng LGBT [4].

Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên là cơ sở đào tạo nhân lực y tế quan trọng cho khu vực trung du và miền núi phía Bắc, nơi người LGBT còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận dịch vụ y tế. Sinh viên y khoa là lực lượng trực tiếp tham gia chăm sóc sức khỏe trong tương lai, do đó kiến thức và thái độ của họ có thể ảnh hưởng lâu dài đến chất lượng chăm sóc người bệnh. Kết quả nghiên cứu có thể góp phần định hướng xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, tăng cường lồng ghép nội dung về đa dạng giới, xu hướng tính dục và chăm sóc sức khỏe LGBT vào giảng dạy. Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu đánh giá kiến thức, thái độ về đa dạng giới và xu hướng tính dục của sinh viên Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

### 2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện tại Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, từ 1/1 đến 30/4 năm 2026.

### 2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên học chương trình y khoa năm 1, 2, 3, 4, 5 tại Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, đồng ý tham gia nghiên cứu.

\*Tác giả liên hệ

Email: nguyenthiehtuyet@tnmc.edu.vn Điện thoại: (+84) 974313777 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD9.5819

## 2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Cỡ mẫu áp dụng theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu;  $\alpha$  là xác suất sai lầm loại I ( $\alpha = 0,05$ ); d là sai số cho phép, chọn  $d = 0,05$  để đảm bảo tỷ lệ sai lệch mong muốn không quá 5% so với tỷ lệ thực;  $Z_{1-\alpha/2}$  là trị số phân phối chuẩn ( $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$  với độ tin cậy 95%);  $p = 0,5$  (tối đa hóa cỡ mẫu). Thay các giá trị vào công thức, tính được cỡ mẫu tối thiểu là  $n = 384$ .

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng theo năm học. Toàn bộ sinh viên được chia thành 5 tầng gồm sinh viên năm 1, 2, 3, 4, 5. Ở mỗi khóa, nghiên cứu lựa chọn 3 lớp để tiến hành khảo sát. Tất cả sinh viên trong các lớp được chọn, đáp ứng tiêu chuẩn nghiên cứu và đồng ý tham gia đều được đưa vào nghiên cứu. Tổng số sinh viên tham gia nghiên cứu thực tế là 874.

## 2.5. Biến số và chỉ số nghiên cứu

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: tuổi trung bình (năm); giới tính sinh học (nam, nữ); xu hướng tính dục (dị tính, đồng tính, song tính, hoặc không trả lời); dân tộc (dân tộc Kinh và nhóm các dân tộc khác); tôn giáo (không theo tôn giáo nào, Phật giáo, Công giáo); năm học (năm 1, 2, 3, 4, 5); chia nhóm chưa đi lâm sàng (năm 1 và 2), đã đi lâm sàng (năm 3, 4, 5); đặc điểm kiến thức, thái độ (điểm trung bình); chia nhóm: kiến thức đạt/kiến thức chưa đạt, thái độ tích cực/thái độ chưa tích cực.

## 2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Phương pháp thu thập số liệu: sinh viên được phát phiếu phỏng vấn, hướng dẫn tự điền. Phiếu nghiên cứu bao gồm các biến số và chỉ số nghiên cứu, trong đó các đánh giá về kiến thức và thái độ được xây dựng:

- Đánh giá kiến thức về đa dạng giới, về xu hướng tính dục: sử dụng bộ công cụ bảng hỏi gồm 20 câu hỏi đúng/sai, dựa trên tổng hợp tài liệu của WHO, ICD-11, UNESCO và các nghiên cứu trước đây về sức khỏe LGBT nhằm đánh giá kiến thức cơ bản về xu hướng tính dục, bản dạng giới, sức khỏe người chuyển giới và tiếp cận dịch vụ y tế của cộng đồng LGBT [5]. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, điểm tối đa về kiến thức là 20 điểm, đánh giá kiến thức đạt khi đúng từ 75% số câu trở lên ( $\geq 15$  điểm), kiến thức chưa đạt khi trả lời đúng được  $< 15$  điểm.

- Đánh giá thái độ của sinh viên về đa dạng giới, về xu hướng tính dục: bộ câu hỏi gồm 15 câu, tham khảo thang đo trong nghiên cứu của Das A và cộng sự (2026) [6] (biểu đồ 2), sử dụng thang đo Likert để tính điểm: có xu hướng không đồng ý (1: rất không đồng ý; 2: không đồng ý); 3: trung lập; có xu hướng đồng ý (4: đồng ý; 5: rất đồng ý). Tính tổng điểm đánh giá thái độ 15 câu (1-75) điểm. Có thái độ tích cực về vấn đề đa dạng giới, về xu hướng tính dục khi đạt từ 75% điểm trở lên ( $\geq 56,25$  điểm); thái độ chưa tích cực:  $< 56,25$  điểm. Độ tin cậy đã được đánh giá cho bảng hỏi với hệ số Cronbach's Alpha là 0,867.

## 2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

Các biến số chỉ số được trình bày bằng tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình. Sử dụng kiểm định Chi bình phương ( $\chi^2$ ) và Independent Sample T-test so sánh các giá trị giữa hai nhóm kiến thức đạt/kiến thức chưa đạt; hai nhóm thái độ tích cực/thái độ chưa tích cực. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

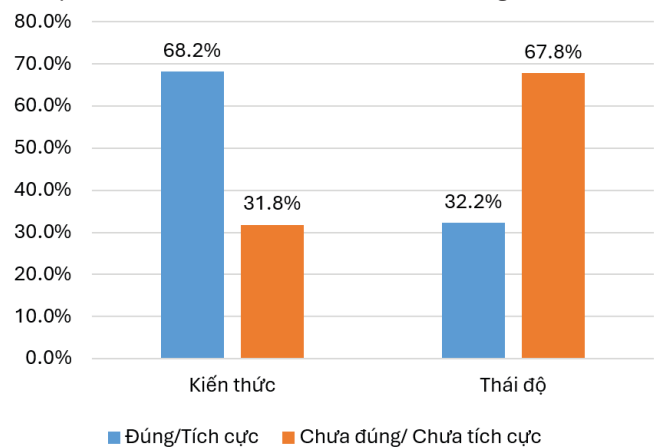
## 2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược Thái

Nguyên, số 344/ĐHYD-HĐĐĐ ngày 12/3/2026 về việc chấp thuận đạo đức trong nghiên cứu y sinh học cho đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2026.

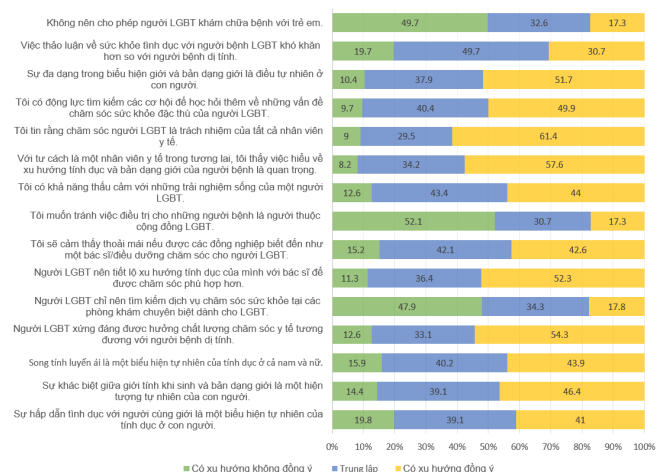
## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này, tổng số 874 sinh viên y khoa tham gia khảo sát có độ tuổi trung bình là  $21,3 \pm 1,5$  tuổi, dao động từ 18-28 tuổi. Về giới tính sinh học, sinh viên nữ chiếm tỷ lệ cao hơn với 64%, trong khi sinh viên nam chiếm 36%. Đa số sinh viên thuộc dân tộc Kinh với tỷ lệ 70,7%, còn lại 29,3% thuộc nhóm các dân tộc khác. Về tôn giáo, đa số không theo tôn giáo 89,2% (n=127); 3% theo Phật giáo; 7,8% theo Công giáo. Trong số người tham gia, 68,2% cho biết có bạn bè hoặc người thân thuộc cộng đồng LGBT. Về xu hướng tính dục, đa số xác định là dị tính (89,2%); 4,5% đồng tính, 6,3% không trả lời. Sinh viên năm thứ nhất chiếm 15,4%; năm thứ hai 21,1%; năm thứ ba 20,3%; năm thứ tư và năm thứ năm cùng chiếm 21,6%. Điểm kiến thức trung bình của sinh viên là  $15,3 \pm 2,8$ ; điểm thái độ trung bình đạt  $52,0 \pm 9,3$ . Ngoài ra các kết quả được thể hiện ở các biểu đồ và bảng sau:



Biểu đồ 1. Đặc điểm kiến thức và thái độ về đa dạng giới và xu hướng tính dục của sinh viên y khoa

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về LGBT chiếm 68,2%, cao hơn nhóm kiến thức chưa đúng (31,8%). Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực đối với LGBT chỉ chiếm 32,2%, trong khi phần lớn còn có thái độ chưa tích cực (67,8%).



Biểu đồ 2. Kết quả thái độ của sinh viên y khoa về đa dạng giới và xu hướng tính dục

Đa số sinh viên có xu hướng đồng ý với các nhận định tích cực về cộng đồng LGBT, đặc biệt là trách nhiệm của

nhân viên y tế trong chăm sóc người LGBT (61,4%), tầm quan trọng của việc hiểu xu hướng tính dục và bản dạng giới của người bệnh (57,6%) và quyền được chăm sóc y tế bình đẳng của người LGBT (54,3%). Bên cạnh đó, trên 50% sinh viên cho rằng sự đa dạng giới và biểu hiện giới là hiện tượng tự nhiên của con người.

**Bảng 1. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về đa dạng giới và xu hướng tính dục**

| Đặc điểm           |                            | Kiến thức đúng          | Kiến thức chưa đúng     | p       |
|--------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------|---------|
| Tuổi (trung bình)  |                            | 21,3 ± 1,6<br>(n = 596) | 21,4 ± 1,4<br>(n = 278) | 0,39    |
| Giới               | Nam (n = 315)              | 198 (62,9%)             | 117 (37,1%)             | 0,01    |
|                    | Nữ (n = 559)               | 398 (71,2%)             | 161 (28,8%)             |         |
| Dân tộc            | Kinh (n = 618)             | 430 (69,6%)             | 188 (30,4%)             | 0,10    |
|                    | Dân tộc khác (n = 256)     | 166 (64,8%)             | 90 (35,2%)              |         |
| Thực hành lâm sàng | Chưa đi lâm sàng (n = 319) | 240 (75,2%)             | 79 (24,8%)              | < 0,001 |
|                    | Đã đi lâm sàng (n = 555)   | 356 (64,1%)             | 199 (35,9%)             |         |
| Điểm kiến thức     |                            | 16,9 ± 1,5              | 12,1 ± 2,1              | < 0,001 |
| Điểm thái độ       |                            | 53,4 ± 9,1              | 49,0 ± 8,9              | < 0,001 |

Nữ sinh viên có tỷ lệ kiến thức đúng về đa dạng giới và xu hướng tính dục cao hơn nam sinh viên (71,2% so với 62,9%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,01$ ). Nhóm sinh viên chưa đi lâm sàng có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn nhóm đã đi lâm sàng (75,2% so với 64,1%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ). Không ghi nhận sự khác biệt về kiến thức theo tuổi và dân tộc ( $p > 0,05$ ).

**Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến thái độ về đa dạng giới và xu hướng tính dục**

| Đặc điểm           |                              | Thái độ tích cực        | Thái độ chưa tích cực   | p       |
|--------------------|------------------------------|-------------------------|-------------------------|---------|
| Tuổi (trung bình)  |                              | 21,3 ± 1,6<br>(n = 281) | 21,3 ± 1,5<br>(n = 595) | 0,97    |
| Giới               | Nam (n = 315)                | 68 (21,6%)              | 247 (78,4%)             | < 0,001 |
|                    | Nữ (n = 559)                 | 213 (38,1%)             | 346 (61,9%)             |         |
| Dân tộc            | Kinh (n = 618)               | 202 (32,7%)             | 416 (67,3%)             | 0,63    |
|                    | Dân tộc khác (n = 256)       | 79 (30,9%)              | 177 (69,1%)             |         |
| Thực hành lâm sàng | Chưa đi lâm sàng (n = 319)   | 122 (38,2%)             | 197 (61,8%)             | 0,002   |
|                    | Đã đi lâm sàng (n = 555)     | 159 (28,6%)             | 396 (71,4%)             |         |
| Kiến thức          | Kiến thức đạt (n = 596)      | 229 (38,4%)             | 367 (61,6%)             | < 0,001 |
|                    | Kiến thức chưa đạt (n = 278) | 52 (18,7%)              | 226 (81,3%)             |         |
| Điểm kiến thức     |                              | 16,3 ± 2,7              | 14,9 ± 2,8              | < 0,001 |
| Điểm thái độ       |                              | 62,4 ± 4,2              | 47,1 ± 6,7              | < 0,001 |

Nữ sinh viên có tỷ lệ thái độ tích cực về đa dạng giới và xu hướng tính dục cao hơn nam sinh viên (38,1% so với 21,6%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ). Nhóm sinh viên chưa đi lâm sàng có tỷ lệ thái độ tích cực cao hơn

nhóm đã đi lâm sàng (38,2% so với 28,6%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,002$ ). Không ghi nhận sự khác biệt về thái độ theo tuổi và dân tộc ( $p > 0,05$ ). Nhóm có kiến thức đạt có tỷ lệ thái độ tích cực cao hơn nhóm kiến thức chưa đạt (38,4% so với 18,7%), đồng thời có điểm kiến thức và điểm thái độ trung bình cao hơn rõ rệt.

#### 4. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu này, sinh viên có điểm kiến thức trung bình về đa dạng giới và xu hướng tính dục là  $15,3 \pm 2,8/20$  điểm. So sánh với nghiên cứu tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, điểm kiến thức trung bình của sinh viên là 6,8/11 câu hỏi, trong đó 43,9% sinh viên có mức kiến thức cao, 47,6% mức trung bình và 8,5% mức thấp. Đồng thời, 60% sinh viên có thái độ tích cực đối với cộng đồng LGBT, 28,5% trung lập và 11,5% tiêu cực [4]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về đa dạng giới và xu hướng tính dục tương đối cao (68,2%), tuy nhiên tỷ lệ có thái độ tích cực chỉ đạt 32,2%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn một số nghiên cứu quốc tế. Nama N và cộng sự (2017) ghi nhận phần lớn sinh viên y khoa cảm thấy thoải mái và có khả năng chăm sóc bệnh nhân LGBT ( $\geq 83,5\%$ ), đồng thời 84,5% sinh viên mong muốn được học thêm về các vấn đề sức khỏe LGBT [7]. Tương tự, một nghiên cứu tại Ấn Độ cho thấy 96,1% sinh viên cho rằng chăm sóc người LGBT là trách nhiệm của tất cả nhân viên y tế và 89,7% đồng ý rằng người LGBT xứng đáng được hưởng chất lượng chăm sóc tương đương người dị tính; tuy nhiên, nghiên cứu này cũng ghi nhận vẫn còn một bộ phận sinh viên mang thái độ kỳ thị, với 30,3% không muốn điều trị bệnh nhân LGBT và 14,8% cho rằng người LGBT nên đến các cơ sở y tế riêng biệt [6]. Điều này cho thấy dù kiến thức và thái độ đã được cải thiện ở nhiều quốc gia, định kiến đối với cộng đồng LGBT vẫn còn tồn tại ngay cả trong môi trường đào tạo y khoa.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng ghi nhận giới tính sinh học của sinh viên có liên quan đến kiến thức và thái độ về LGBT. Nữ sinh viên có tỷ lệ kiến thức đúng và thái độ tích cực cao hơn nam sinh viên (71,2% so với 62,9%;  $p = 0,01$  và 38,1% so với 21,6%;  $p < 0,001$ ). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Ardman E và cộng sự (2020) tại Trường Đại học Y Hà Nội [8]. Nhiều nghiên cứu cũng ghi nhận xu hướng tương tự, khi nữ giới thường cởi mở hơn với các vấn đề đa dạng giới và có mức độ đồng cảm cao hơn với các nhóm yếu thế trong xã hội. Trong khi đó, nam giới có thể chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi các chuẩn mực giới truyền thống, từ đó làm gia tăng xu hướng giữ khoảng cách hoặc kỳ thị đối với những biểu hiện giới không theo khuôn mẫu xã hội [4].

Đối với yếu tố dân tộc, nghiên cứu chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kiến thức và thái độ về LGBT ( $p > 0,05$ ). Điều này cho thấy trong môi trường đào tạo đại học, đặc biệt là ngành y, sinh viên có cơ hội tiếp cận thông tin và giáo dục về đa dạng giới tương đối đồng đều. Tuy nhiên, tỷ lệ kiến thức đúng và thái độ tích cực ở nhóm dân tộc thiểu số vẫn thấp hơn so với nhóm dân tộc Kinh, gợi ý khả năng ảnh hưởng của yếu tố văn hóa, môi trường sống và quan niệm xã hội truyền thống.

Kết quả nghiên cứu đáng chú ý là nhóm sinh viên chưa đi lâm sàng có tỷ lệ kiến thức đúng và thái độ tích cực cao hơn nhóm đã đi lâm sàng (75,2% so với 64,1%;  $p < 0,001$  và 38,2% so với 28,6%;  $p = 0,002$ ). Kết quả này khác với một

số nghiên cứu khác cho rằng kiến thức và sự tự tin trong chăm sóc người LGBT thường tăng theo năm học và quá trình đào tạo lâm sàng. Arthur S và cộng sự (2021) đánh giá về đào tạo LGBT trong y khoa ghi nhận sự tự tin khi thảo luận về khuynh hướng tình dục với bệnh nhân tăng lên đáng kể theo năm học, nhưng sự tự tin khi thảo luận về bản dạng giới của bệnh nhân thì không [9]. Sự khác biệt này có thể do chương trình đào tạo lâm sàng tại Việt Nam hiện chưa tích hợp đầy đủ nội dung chăm sóc sức khỏe LGBT. Sinh viên giai đoạn lâm sàng thường tập trung vào chuyên môn điều trị nên ít có cơ hội tiếp cận kiến thức về đa dạng giới và sức khỏe LGBT, trong khi sinh viên tiền lâm sàng có thể tiếp cận nhiều hơn qua truyền thông và mạng xã hội.

Đặc biệt, nghiên cứu ghi nhận mối liên quan rõ rệt giữa kiến thức và thái độ đối với LGBT. Nhóm có kiến thức đạt có tỷ lệ thái độ tích cực cao hơn đáng kể so với nhóm kiến thức chưa đạt (38,4% so với 18,7%;  $p < 0,001$ ). Điều này cho thấy kiến thức đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thái độ tích cực đối với cộng đồng LGBT. Kết quả này phù hợp với tổng quan hệ thống năm 2024 về giáo dục cộng đồng những người có thiên hướng tình dục và bản dạng giới thiểu số (LGBTQIA+) trong đào tạo y khoa, cho thấy các chương trình đào tạo can thiệp giúp cải thiện đáng kể kiến thức, sự tự tin và mức độ thoải mái của sinh viên khi tương tác với bệnh nhân LGBTQIA+ [10].

## 5. KẾT LUẬN

Nhìn chung, mặc dù đa số sinh viên có kiến thức tương đối đúng về đa dạng giới và xu hướng tính dục, tỷ lệ có thái độ tích cực vẫn còn chưa cao. Điều này cho thấy cần tăng cường lồng ghép nội dung về sức khỏe LGBT, đa dạng giới, giao tiếp và chăm sóc không kỳ thị vào chương trình đào tạo y khoa nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và thái độ nghề nghiệp của nhân viên y tế tương lai, đồng thời góp phần giảm kỳ thị và đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận dịch vụ y tế cho cộng đồng LGBT.

## 6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Kavanagh M.M, Srivatsan V et al. Global legal environment for LGBTQ+ sexuality and public health. *Journal of Law, Medicine & Ethics*, 2025, 53: 115-133. doi: 10.1017/jme.2025.60.
- [2] Cruciani G, Quintigliano M et al. Attitudes and knowledge of mental health practitioners towards LGBTQ+ patients: a mixed-method systematic review. *Clinical Psychology Review*, 2024, 113: 102488. doi: 10.1016/j.cpr.2024.102488.
- [3] Phan Lê Nhật Long, Nguyễn Tuấn Đạt và cộng sự. Khảo sát kiến thức và thái độ của nhân viên y tế về cộng đồng LGBT và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Cộng đồng*, 2025, 66 (CĐ 17): 241-247. doi: 10.52163/yhc.v66iCD17.3528.
- [4] Lưu Quang Long, Nguyễn Duy Thực và cộng sự. Thực trạng kiến thức và thái độ đối với cộng đồng LGBT của sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội. *Tạp chí Y học Cộng đồng*, 2025, 66 (CĐ 177): 216-222. doi: 10.52163/yhc.v66iCD17.3426.
- [5] de Vries A.L, Beek T.F et al. Reliability and clinical utility of gender identity-related diagnoses: comparisons between the ICD-11, ICD-10, DSM-IV, and DSM-5. *LGBT Health*, 2021, 8: 133-142. doi: 10.1089/lgbt.2020.0272.
- [6] Das A, Mishra S et al. Attitude of medical and nursing students towards lesbian, gay, bisexual and transgender people: a cross-sectional study. *The National Medical Journal of India*, 2026, 39: 116-119. doi: 10.25259/NMJI\_1284\_2023
- [7] Nama N, MacPherson P et al. Medical students' perception of lesbian, gay, bisexual, and transgender (LGBT) discrimination in their learning environment and their self-reported comfort level for caring for LGBT patients: a survey study. *Medical Education Online*, 2017, 22: 1-10. doi: 10.1080/10872981.2017.1368850
- [8] Ardman E, Anh V.M et al. Attitudes and knowledge of medical students in Hanoi regarding lesbian and gay people. *Journal of Homosexuality*, 2021, 68: 2359-2374. doi: 10.1080/00918369.2020.1804257
- [9] Arthur S, Jamieson A et al. Medical students' awareness of health issues, attitudes, and confidence about caring for lesbian, gay, bisexual and transgender patients: a cross-sectional survey. *BMC Medical Education*, 2021, 21 (1): 56. doi: 10.1186/s12909-020-02409-6
- [10] Macedo A, Aurindo M et al. Effectiveness of undergraduate medical students training on LGBTQIA+ people health: a systematic review and meta-analysis. *BMC Medical Education*, 2024, 24 (1): 63. doi: 10.1186/s12909-024-05041-w

